TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ N
TỈNH QUẢNG N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ Ng VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày: 13-3-2018

N H Â N D A N H
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ Ng VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N, TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Minh.

Bà Vũ Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

Trương Quốc V, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1998 tại xã Tam Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N. Nơi cư trú: Thôn Khánh Lộc, xã Tam Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc H, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; có vợ tên Ngô Thị L, sinh năm 1999 (chưa đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 30-5-2017 đến ngày 26-9-2017 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt.

Nhân thân: Ngày 25-11-2013 bị cáo trộm cắp tài sản bị Công an huyện Phú N, tỉnh Quảng N đưa vào đối tượng sưu tra

Huỳnh Quang D, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1998 tại xã Tam Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N. Nơi cư trú: Thôn Phú Thanh, xã Tam Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Quang L, sinh năm 1970 và bà Võ Thị Kim Th, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.; Bị bắt tạm giam từ ngày 30-5-2017 đến ngày 26-9-2017 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt.

Trần Hữu Ng, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1998 tại thôn Văn Hà, xã Tam Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N. Nơi cư trú: Thôn Văn Hà, xã Tam Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Â,

sinh năm 1969 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: tháng 01/2016, bị cáo Trần Hữu Ng bị Công an xã Tam Th, huyện Phú N ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt.

Ngày 13/11/2017, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Anh Lê Công Văn H, sinh ngày 22/12/2001, có mặt

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1976 vắng mặt, ông Lê C sinh năm 1971, có mặt (là mẹ, cha ruột của anh H)

Cùng trú tại: Thôn Khánh Lộc, xã Tam Th, huyện Phú N, t. Quảng N.

Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, vắng mặt.

Trú tại: Thôn Bình Phụng, xã Bình Q, huyện Thăng B, tỉnh Quảng N.

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993, có mặt.

Trú tại: Thôn Trung Định, xã Tam Đ, huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

Người làm chứng:

Bà Trần Thị Th, sinh năm 1972, vắng mặt.

Trú tại: Thôn Văn Hà, xã Tam Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 13/5/2017, Trương Quốc V, Huỳnh Quang D và Trần Hữu Ng cùng nhậu ở nhà hàng xóm của V tại thôn Khánh Lộc, xã Tam Th, huyện Phú N. Đến khoảng 22 giờ thì V điều khiển xe mô tô BKS: 92H1-388.95 chở D và Ng về. Khi đi đến đoạn đường nhà ông Lê Chua, trú cùng thôn, do có uống rượu mệt nên cả 03 ghé vào nhà ông Chua để nghỉ. Khoảng 22 giờ 30 cùng ngày, V tiếp tục điều khiển xe mô tô chở D và Ng về nhà theo đường bê tông liên thôn hướng Chợ Tam Th - Quốc lộ 1A. Khi đến đoạn đường tại khu vực Hóc Vân, thôn Khánh Mỹ, xã Tam Th, V phát hiện em Lê Công Văn H đi xe đạp ngược chiều, trên tay cầm 01 điện thoại di động hiệu S…Mobile, màu xanh đen đang bật đèn sáng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của H và nói với D và Ng "Giật điện thoại này không bây", D trả lời "ừ, quay xe lại đi". Lúc này, xe V điều khiển đã chạy qua khỏi H một đoạn khoảng 150m nên V quay đầu xe đuổi theo H. Khi vượt qua xe H khoảng 03 mét, D nói "Dừng xe để tau giật cho", nghe vậy V cho xe chạy chậm lại để D xuống xe. D xuống xe còn V và Ng đi thêm một đoạn thì quay đầu xe và dừng lại cách H khoảng 05m. D đi bộ lại đứng trước đầu xe của H, H thấy vậy dừng xe nhưng vẫn ngồi trên xe, D nói "đưa điện thoại đây" thì H nói "điện thoại này của em mà" rồi D giật ngay điện thoại trên tay của H, do H cố giữ điện thoại nên D giật chưa được, D tiếp tục dùng tay trái giật được điện thoại từ tay H. Trong thời điểm này, V nói với Ng "xuống xe, lại chỗ D xem làm được gì thì làm", nghe vậy Ng xuống xe đi lại giúp D giật điện thoại nhưng đi được khoảng 2, 3 bước thì thấy D đã giật được điện thoại đi về phía Ng nên cả D và Ng cùng chạy lại xe V đang chờ rồi lên xe chạy xuống thành phố Tam Kỳ. Sau đó, V dùng điện thoại di động gọi cho Nguyễn Văn L để cầm cố điện thoại vừa cướp giật trên với giá tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và sử dụng để ăn nhậu và thuê nhà trọ ngủ tại xã Bình An, huyện Thăng B, tỉnh Quảng N.

Sáng ngày 14/5/2017, cả ba cùng về nhà Trương Quốc V. Tại đây, sau khi nghe gia đình V nói vụ việc "cướp giật tài sản" đã bị công an phát hiện nên V nói với D và Ng "giờ về xin tiền để chuộc điện thoại, cả ba cùng chơi thì cùng chịu". D và Ng đồng ý, sau đó cả ba chuộc lại điện thoại và mang lên giao nộp cho cơ quan Công an.

Ngày 19/5/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Phú N đã định giá và kết luận giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu S...Mobile màu xanh đen 1.190.000 (Một triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã tạm giữ 01 ĐTDĐ hiệu S…Mobile màu xanh đen là tài sản của Lê Công Văn H. Sau khi phục vụ công tác điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho H và H không có yêu cầu gì thêm.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, BKS: 92H1 – 388.95 là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T là mẹ vợ của Trương Quốc V cho V mượn để đi chơi vào tối 13/5/2017. Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú N đã trả lại xe mô tô BKS: 92H1 – 388.95 cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị T.

Tại bản cáo trạng số 04/CTr-VKS ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N truy tố các bị cáo Trương Quốc V, Huỳnh Quang D, Trần Hữu Ng về tội *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d, khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N giữ nguyên quan điểm đã truy tố và tại phần luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Quốc V, Huỳnh Quang D, Trần Hữu Ng về tội *"Cướp giật tài sản"*. Đề nghị áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 136, điểm b, p, khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 cho cả ba bị cáo. Riêng bị báo D áp dụng thêm khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Quốc V, từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù; bị cáo Huỳnh Quang D, từ 14 (mười bốn) tháng đến 16 (mười sáu) tháng tù; bị cáo Trần Hữu Ng từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 13/5/2017, tại đoạn đường bê tông liên thôn thuộc thôn Khánh Mỹ, xã Tam Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N, Trương Quốc V, Huỳnh Quang D, Trần Hữu Ng có hành vi sử dụng xe mô tô BKS 92H1-388.95 làm phương tiện để cướp giật của Lê Công Văn H 01 chiếc điện thoại di động hiệu S…Mobile, màu xanh đen trị giá 1.190.000 đồng, trong khi H đang điều khiển xe đạp.

Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, lời khai của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra và những tài liệu, chứng cứ khách quan khác có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của các bị cáo Trương Quốc V, Huỳnh Quang D, Trần Hữu Ng dùng phương tiện, thủ đoạn

nguy hiểm cướp giật chiếc điện thoại di động đã đủ yếu tố cấu thành tội " Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 136 Bộ luật hình sự 1999. Cáo trạng số 04/CTr-VKS ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N truy tố các bị cáo Trương Quốc V, Huỳnh Quang D, Trần Hữu Ng về tội *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d, khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án thì thấy: Tài sản hợp pháp của mọi công dân đều được pháp luật bảo vệ, không ai được phép xâm phạm bất hợp pháp, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh.

Các bị cáo Trương Quốc V, Huỳnh Quang D, Trần Hữu Ng đã trưởng thành, là những người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, do bản tính lười biếng lao động, thích hưởng thụ, xem thường kỷ cương pháp luật các bị cáo đã có hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động của anh Lê Công Văn H khi anh H đang cầm điện thoại trên tay. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này không những xâm phạm đến tài sản của anh H, làm cho anh H hoang mang, lo sợ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Lỗi này hoàn toàn thuộc về các bị cáo. Vì vậy, cần phải xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

[3] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo V là người nảy sinh ý định cướp giật tài sản đầu tiên và rủ rê các bị cáo tham gia, V cũng là người liên lạc với Lĩnh để cầm tài sản cướp giật được của người bị hại lấy tiền ăn uống và thuê phòng trọ nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo D là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản, hành vi của bị cáo D được thực hiện một cách chủ động, trực tiếp và tích cực nên bị cáo D phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo V. Đối với bị cáo Ng thống nhất với hành vi cướp giật tài sản của bị cáo D và V xuống xe để hỗ trợ bị cáo D trong việc cướp giật tài sản của bị hại nhưng khi xuống xe thì bị cáo D đã giật được nên bị cáo Ng chịu trách nhiệm về hành vi của mình nhưng mức hình phạt thấp hơn bị cáo V và bị cáo D. Hành vi của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công cụ thể, rõ ràng nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm có tổ chức.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản mà các bị cáo cướp giật đã được các bị cáo chuộc lại để trả cho người bị hại. Các bị cáo đều xuất thân từ dân lao động nông thôn, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo D có ông ngoại là liệt sĩ, sau khi bị phát hiện các bị cáo đến cơ quan công an đầu thú khai báo sự việc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, các bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nên áp dụng Điều 47 BLHS, xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của nhà nước ta. Cần thiết cách ly các bị cáo V và D ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo Ng phạm tội với vai trò thứ yếu, có nơi

cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt các quy định của pháp luật nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để quản lý, giám sát, giáo dục là đủ nghiêm.

* Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn, các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Trong giai đoạn điều tra, truy tố các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên phù hợp, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về các nội dung liên quan:

Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho anh H và anh H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, BKS: 92H1 – 388.95 là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T là mẹ vợ của Trương Quốc V cho V mượn để đi chơi vào tối 13/5/2017. Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú N đã trả lại xe mô tô BKS: 92H1 – 388.95 cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị T. Bà Tài không biết việc V sử dụng xe mô tô của mình để đi cướp giật tài sản, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú N đã trả lại xe cho bà Tài là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn L đã có hành vi mua điện thoại di động của Trương Quốc V nhưng khi mua anh Lĩnh không biết tài sản trên là do phạm tội mà có nên không có căn cứ khởi tố anh Lĩnh, anh Lĩnh đã nhận lại số tiền 300.000đ và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 điều 136; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Quốc V 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính tư ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gia đã tạm giam 3 (ba) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày từ ngày 30-5-2017 đến ngày 26-9-2017

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quang D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính tư ngày bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gia đã tạm giam 3 (ba) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày từ ngày 30-5-2017 đến ngày 26-9-2017

Căn cứ vào khoản 2 điều 136; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Ng 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Ng cho Ủy ban nhân dân xã Tam Th huyện Phú N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Các bị cáo Trương Quốc V, Huỳnh Quang D, Trần Hữu Ng mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bán án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hánh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người bị hai, đại diện hợp pháp của người bị hai, người có quyền lợi, Ng vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q.N;
- VKSND huyện Phú N;
- Chi cục THADS Phú N;
- V.Phòng Công an huyện Phú N;
- Sở tư pháp tỉnh Q.N;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ - án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trình Minh Hùng